

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
Kèm theo Thông báo số /TB-PKHTĐT ngày tháng năm 2026

STT	MÃ SỐ	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	LĨNH VỰC	NGÀNH	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ	PHÍ LỆ PHÍ	GHI CHÚ
1	2.002620.H01	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Công thương	1234/QĐ-UBND	0	toàn trình
2	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý	Công thương	1072/QĐ-UBND	0	toàn trình
3	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý		Công thương	1072/QĐ-UBND	0	toàn trình
4	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ	Xây dựng	1051/QĐ-UBND	0	Một phần
5	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ	Xây dựng	1091/QĐ-UBND	0	toàn trình
6	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ	Xây dựng	1051/QĐ-UBND	0	toàn trình
7	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1093/QĐ-UBND	0	toàn trình
8	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1053/QĐ-UBND	0	toàn trình

9	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ	Xây dựng	1051/QĐ-UBND	0	toàn trình
10	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	2257/QĐ-UBND	100,000	toàn trình
11	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1053/QĐ-UBND	100,000	toàn trình
12	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1053/QĐ-UBND	0	toàn trình
13	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1053/QĐ-UBND	100,000	toàn trình
14	1.009446	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa.	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	2257/QĐ-UBND		toàn trình

15	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	2257/QĐ-UBND	0	toàn trình
16	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	2257/QĐ-UBND	0	toàn trình
17	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1053/QĐ-UBND	0	toàn trình
18	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1053/QĐ-UBND	70,000	toàn trình
19	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1053/QĐ-UBND	0	toàn trình
20	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1053/QĐ-UBND	0	toàn trình
21	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1053/QĐ-UBND	0	toàn trình

22	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1053/QĐ-UBND	0	toàn trình
23	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1053/QĐ-UBND	100,000	toàn trình
24	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1093/QĐ-UBND	70,000	toàn trình
25	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1093/QĐ-UBND	0	toàn trình
26	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1093/QĐ-UBND	0	toàn trình
27	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1093/QĐ-UBND	70,000	toàn trình
28	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1093/QĐ-UBND	70,000	toàn trình
29	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1093/QĐ-UBND	70,000	toàn trình
30	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1093/QĐ-UBND	70,000	toàn trình

31	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1093/QĐ-UBND	70,000	toàn trình
32	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	Xây dựng	1093/QĐ-UBND	70,000	toàn trình
33	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	Hoạt động xây dựng	Xây dựng	1051/QĐ-UBND	0	Một phần
34	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	Xây dựng	1051/QĐ-UBND	0	Một phần
35	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Xây dựng	517/QĐ-UBND	0	Một phần
36	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Xây dựng	517/QĐ-UBND	0	Một phần

37	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	Hoạt động xây dựng	Xây dựng	3034/QĐ-UBND	0	Một phần
38	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Xây dựng	3034/QĐ-UBND	0	Một phần
39	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Xây dựng	3034/QĐ-UBND	0	Một phần
40	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	Xây dựng	3034/QĐ-UBND	0	Một phần

41	1.002693	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Hạ tầng kỹ thuật	Xây dựng	1798/QĐ-UBND	0	
42	1.014159	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Xây dựng	2810/QĐ-UBND	0	Toàn trình
43	3.000494	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	Phòng cháy chữa cháy	Xây dựng	407/QĐ-UBND	0	Một phần
44	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Nhà ở và công sở	Xây dựng	1094/QĐ-UBND	0	Toàn trình
45	1.014632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	Nhà ở và công sở	Xây dựng	2257/QĐ-UBND	0	
46	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
47	2.002636	Đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
48	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình

49	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Hợp tác xã	Tài chính	2643/QĐ-UBND	0	Toàn trình
50	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
51	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
52	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Hợp tác xã	Tài chính	2643/QĐ-UBND	0	Toàn trình
53	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
54	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
55	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tài chính	2643/QĐ-UBND	0	Toàn trình
56	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình

57	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
58	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tài chính	2643/QĐ-UBND	0	Toàn trình
59	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
60	1.004901	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
61	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
62	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
63	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
64	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
65	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình

66	2.002226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
67	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
68	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tài chính	1059/QĐ-UBND	0	Toàn trình
69	1.014371.H01	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	Hợp tác xã	Tài chính	1707/QĐ-UBND	0	Một phần